

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước đà dẫn dắt của nhóm cổ phiếu thép và chứng khoán với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, BSR

[Cập nhật công ty]

CTD

[Quan điểm đầu tư]

NDT tiếp tục gia tăng một phần vị thế ngắn hạn khi các cổ phiếu mục tiêu về lại ngưỡng hỗ trợ gần

27/12/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,004.57	+1.97
VN30	1,007.36	+1.98
HĐTL VN30F1M	1,001.00	+1.48
HNXIndex	203.14	+2.34
HNX30	332.02	+4.10
UPCoM	70.52	+1.16
USD/VND	23,597	-0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.84	+0
Lãi suất qua đêm (%)	3.66	+26
Dầu (WTI, \$)	79.98	+0.53
Vàng (LME, \$)	1,806.44	+0.46



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,004.57 (+1.97%)
KLGD (triệu CP) 507.2 (-4.9%)
GTGD (triệu US\$) 404.2 (-4.3%)

TTCK Việt Nam đồng loạt tăng điểm trước đà dẫn dắt của nhóm cổ phiếu thép và chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng, tập trung ở NVL (+2.5%), HPG (+6.7%), STB (+2.7%).

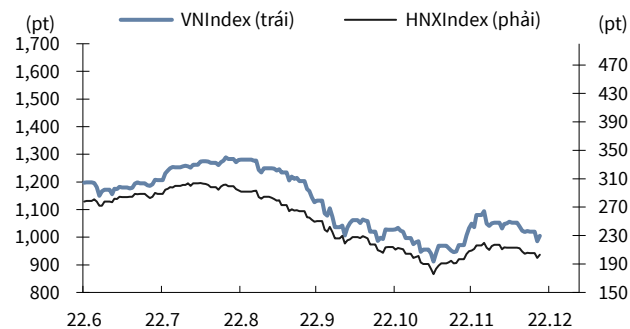
HNXIndex 203.14 (+2.34%)
KLGD (triệu CP) 58.9 (-39.2%)
GTGD (triệu US\$) 32.6 (-19.7%)

Trung Quốc thông báo sẽ mở cửa biên giới và dỡ bỏ các biện pháp cách ly phòng Covid-19 đối với khách quốc tế từ ngày 8/1/2023. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, năm 2019 có 5.8 triệu lượt khách du lịch Trung Quốc tới Việt Nam trong khi 11 tháng năm 2022 là 55,000 người. Điều này cho thấy tiềm năng tăng trưởng trở lại của khách du lịch Trung Quốc và lượng khách quốc tế khi Trung Quốc mở cửa hoàn toàn trở lại, dù có thể cần thời gian. Ngành hàng không được hưởng lợi (HVN +6.7%; VJC -0.8%)

UPCoM 70.52 (+1.16%)
KLGD (triệu CP) 20.9 (-51.9%)
GTGD (triệu US\$) 9.8 (-23.1%)

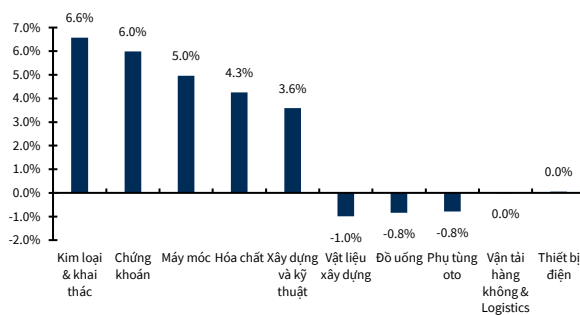
Ngoài giá năng lượng, chi phí nguyên vật liệu tăng cao và khó khăn về nguồn cung ứng, ngành dệt may còn phải đối mặt với thách thức nữa là nhu cầu khách hàng. Lạm phát buộc khách hàng giảm mức tiêu dùng nhưng vẫn mong muốn sản phẩm chất lượng tốt hơn. (MSH -0.5%; GMC -4%)

VNIndex & HNXIndex



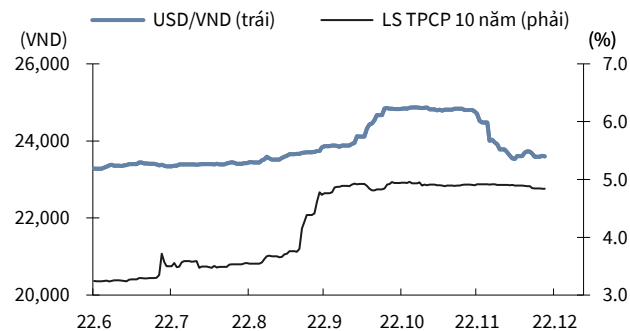
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



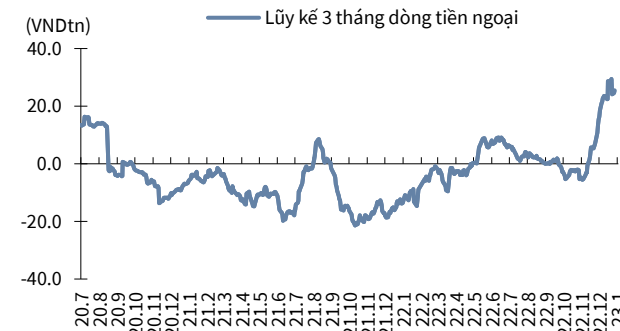
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

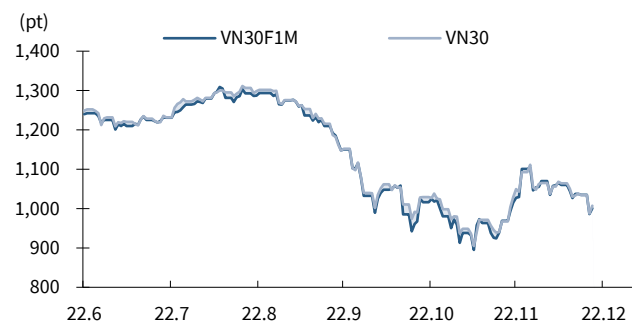
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,007.36 (+1.98%)
VN30F1M 1,001.0 (+1.48%)
Mở cửa 990.0
Cao nhất 1,011.0
Thấp nhất 982.1

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trước đà tăng mạnh của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2301 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất phiên tại 5.13 điểm sau đó biến động giằng co quanh mức -2.38 điểm và đóng cửa ở mức -6.36 điểm. Khối lượng giao dịch cải thiện trong phiên giao dịch hôm nay.

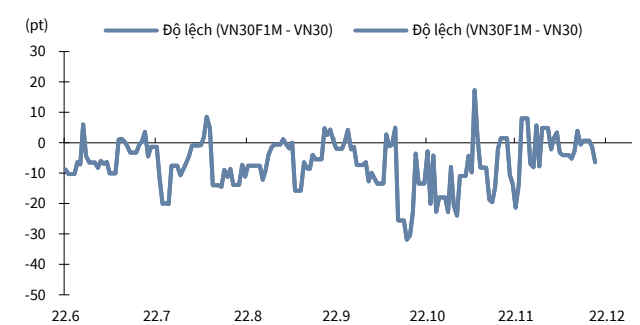
KLGD (HĐ) 411,483 (+8.1%)

HĐTL VN30F1M & VN30



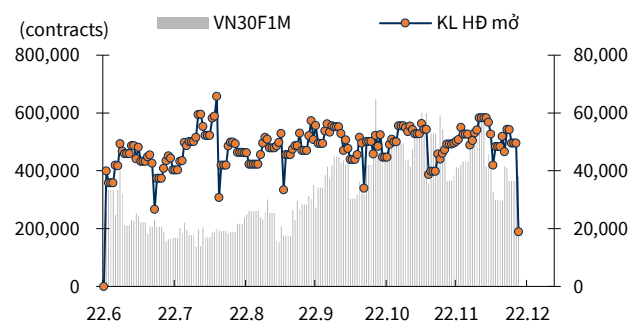
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



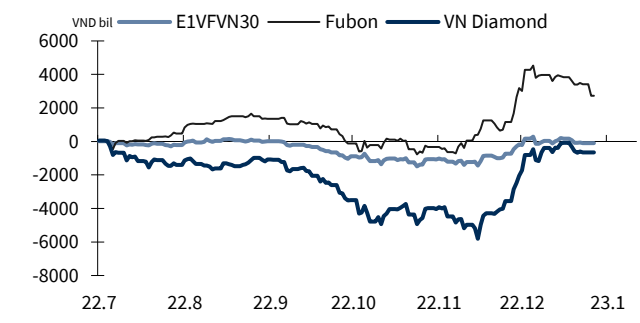
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

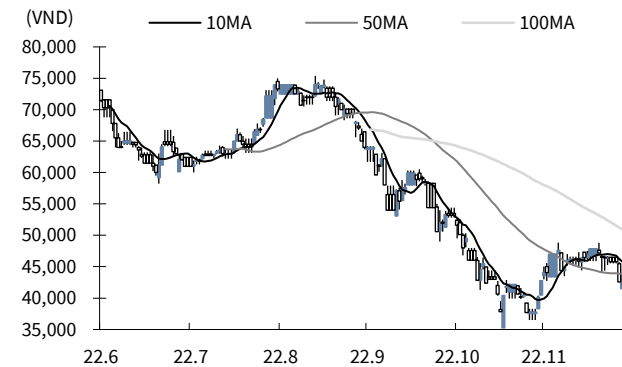
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

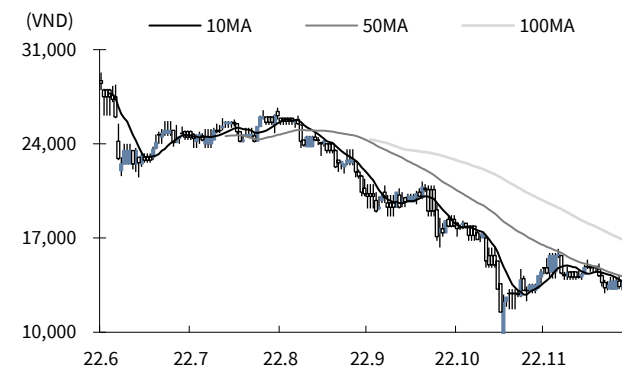
CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 2.8% lên 43,800 VND/cp
- CTCP Đầu tư Thế giới Di động công bố kết quả kinh doanh sơ bộ 11 tháng với lợi nhuận đạt gần 4,000 tỷ đồng, giảm 9% YoY và doanh thu thuần đạt 123,683 tỷ đồng (+12% YoY).
- Riêng tháng 11, lợi nhuận đạt 159 tỷ đồng (-67% YoY) và doanh thu đạt 10,000 tỷ đồng, giảm 13% so cùng kỳ.

CTCP Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR tăng 0.7% lên 13,700 VND/cp
- CTCP Lọc hoá dầu Bình Sơn ước lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 12,176 tỷ đồng, tăng 82% so với cùng kỳ năm trước và doanh thu 165,500 tỷ đồng (+64% YoY). Tuy nhiên, theo đó quý 4/2022 doanh nghiệp dự kiến lỗ sau thuế khoảng 723 tỷ đồng và doanh thu đạt 38,780 tỷ đồng, tăng 12% YoY.

Xây dựng Coteccons (CTD)

Đối mặt nhiều thách thức

27/12/2022

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh quý 3/2022 tiếp tục ghi nhận lỗ 3.5 tỷ VND, dự báo lỗ cả năm 2022

Lợi nhuận sau thuế Quý 3 tiếp tục ghi nhận lỗ 3.5 tỷ VND so với mức lỗ 23.8 tỷ VND trong quý 2 và 11.8 tỷ VND cùng kỳ năm 2021 do (1) Giá nguyên vật liệu tăng cao (2) Các hoạt động xây dựng trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn, mức độ cạnh tranh cao khiến các chủ đầu tư xây dựng phải cạnh tranh về giá thầu.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 1.8 tỷ VND (-97.9%YoY). CTD đã trích lập 299 tỷ VND chi phí dự phòng trong chi phí quản lý doanh nghiệp, cao gấp 5.4 lần so với cùng kỳ, trong đó khoản phải thu hơn 242 tỷ VND từ dự án D'Capitale của chủ đầu tư Tập đoàn Tân Hoàng Minh.

Dự báo KQKD cả năm 2022 của CTD lỗ khoảng 181 tỷ đồng do (1) Công ty tăng cường trích lập dự phòng; (2) Thị trường xây dựng tiếp tục khó khăn trong quý 4/2022.

Triển vọng kinh doanh 2023 tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, bên cạnh kì vọng từ đầu tư công

Coteccons sẽ còn đối mặt với nhiều thách thức khi (1) Ngành bất động sản dân dụng gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn 2022-2023 (2) Tính cạnh tranh cao của ngành xây dựng (3) Chất lượng các khoản phải thu Coteccons cũng là vấn đề đáng lo ngại khi công ty liên tục phải trích lập các khoản nợ phải thu khó đòi. Chúng tôi ước tính giá trị backlog trong giai đoạn 2023-2026 đạt 18,000 tỷ VND, thấp hơn đáng kể so với giai đoạn 2016-2018. Điểm sáng đối với hoạt động của CTD là đầu tư công được đẩy mạnh trong năm 2023 khi các động lực tăng trưởng khác của năm 2023 suy yếu khiến đầu tư công quay trở lại làm điểm tựa.

Khuyến nghị MUA - Giá mục tiêu: 40,000VND/cổ phiếu

Dựa trên kết quả định giá, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTD với giá mục tiêu là 40,000VND/cổ phiếu, upside 23%.

Mua

Giá mục tiêu 40,000VND

Tăng/giảm (%)	23%
Giá hiện tại (26/12/2022)	32,550VND
Giá mục tiêu đồng thuận	37,500VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	2.4/0.1

Dự phóng KQKD & định giá

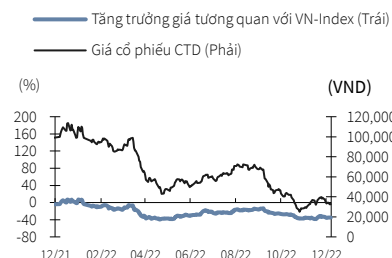
FY-end	2020	2021	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	14,558	9,078	11,238	12,432
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	428	23	-207	-2
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	334	24	-181	22
EPS (VND)	4,219	303	-2,283	283
Tăng trưởng EPS (%)	-53%	-93%	na	na
P/E (x)	7.7	107.5	-14.3	115.0
P/B (x)	0.3	0.3	0.3	0.3
ROE (%)	4.0%	0.3%	-2.3%	0.3%
Tỷ suất cổ tức (%)	3		0	0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	66.1%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	22.1/0.9
Sở hữu nước ngoài (%)	0
Cổ đông lớn	Kusto (17.6%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	8	-51	-40	108
Tương đối	5	-37	-22	107



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Nguồn: Báo cáo doanh nghiệp, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

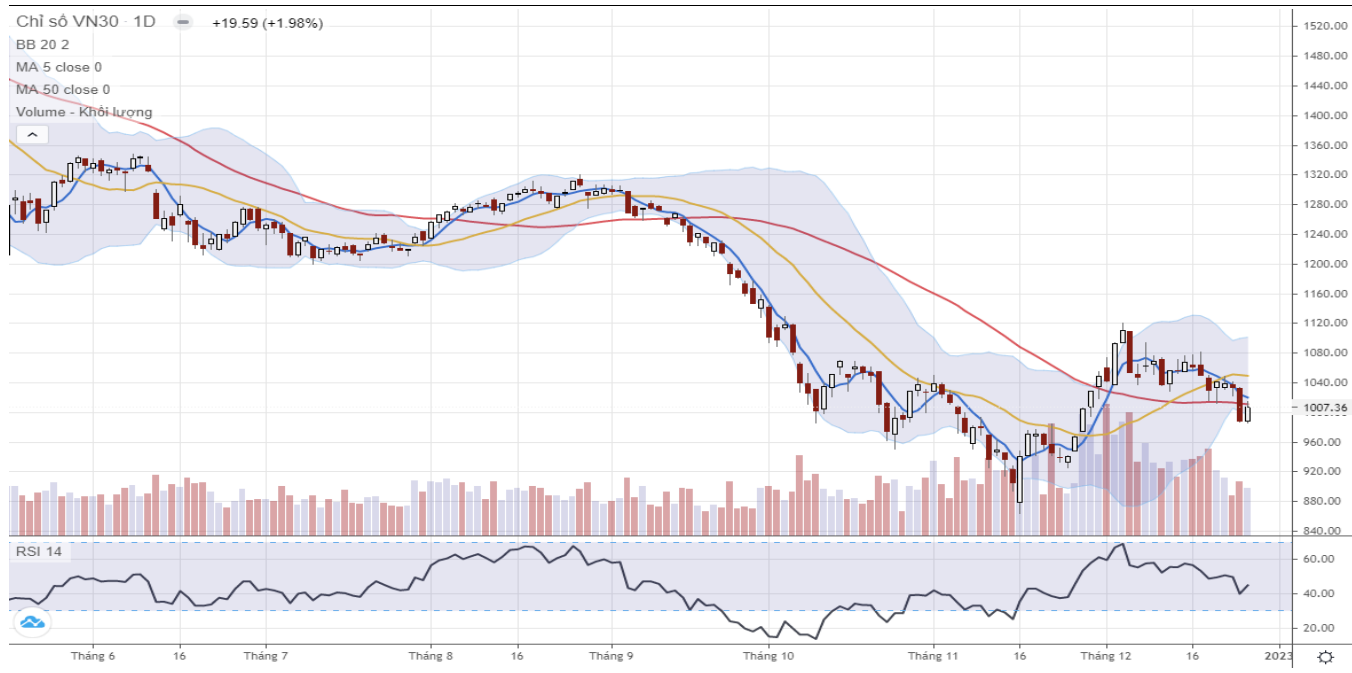
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong phiên trước khi bật tăng mạnh về cuối phiên.
- Với việc bảo vệ thành công ngưỡng hỗ trợ gần quanh 980, chỉ số đang có cơ hội hình thành mẫu nến đảo chiều tweezer bottom. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ ngày càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, cơ hội mở rộng đà hồi phục lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1030 của VNIndex đang có phần chiếm ưu thế.
- NĐT tiếp tục gia tăng một phần vị thế ngắn hạn khi các cổ phiếu mục tiêu về lại ngưỡng hỗ trợ gần.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1023 - 1026

Kháng cự gần: 1012 - 1015

Hỗ trợ gần: 982 - 985

Hỗ trợ xa: 970 - 974

- F1 tăng điểm giảm co trong phiên trước khi bật tăng mạnh về cuối phiên.
- Việc bảo vệ thành công ngưỡng hỗ trợ gần quanh 980 giúp cho trạng thái thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ ngày càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, cơ hội mở rộng đà hồi phục lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 102x của F1 đang có phần chiếm ưu thế.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Long quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

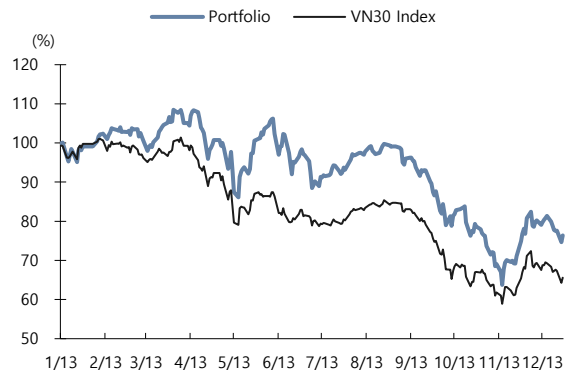
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.98%	2.23%
Tăng lũy kế (YTD)	-34.40%	-23.65%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/12/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,800	2.8%	13.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	13,600	1.5%	-52.3%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	108,000	0.0%	40.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	112,000	-0.9%	-41.7%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,000	2.4%	143.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	76,500	0.1%	215.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	26,600	2.1%	40.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	103,100	0.5%	40.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	18,250	6.7%	63.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	21,400	7.0%	108.3%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	2.5%	5.9%	96.7
HPG	6.7%	21.3%	86.9
STB	2.7%	26.8%	36.6
SSI	6.7%	41.2%	36.4
FUEVFNVD	0.8%	96.6%	34.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	1.1%	24.2%	-64.1
VGC	3.1%	6.2%	-13.4
BCM	2.4%	3.0%	12.0
VSC	-0.3%	3.7%	2.9
DGW	5.0%	26.0%	-1.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	3.3%	18.4%	16.4
SHS	10.0%	6.2%	0.6
TNG	5.4%	7.5%	0.6
VCS	-0.4%	3.0%	0.3
THD	0.6%	0.8%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	2.6%	0.7%	-4.7
PTI	1.6%	38.3%	-1.8
MBG	5.1%	1.0%	-0.7
HBS	5.8%	0.2%	-0.3
TVC	7.1%	0.2%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	4.0%	PLX, PGC, CNG, GSP
Cơ sở hạ tầng & vận tải	3.6%	GMD, LGC, CII, HAH
Tiện ích điện	3.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	1.4%	TLG, ILB, APC, ST8
Phụ tùng oto	1.0%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-7.5%	TDP, SVI, MCP, TPC
Chứng khoán	-6.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-5.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Sản phẩm xây dựng	-5.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tập đoàn công nghiệp	-4.7%	REE, BCG, PET, EVG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	24.0%	PVD, PVT
Kim loại & khai thác	19.5%	HPG, HSG, NKG, KSB
Bán lẻ hàng chuyên dụng	15.8%	MWG, FRT, CTF, HAX
Xây dựng và kỹ thuật	13.0%	DIG, HDG, VCG, PC1
Thương mại & phân phối	11.6%	VPG, TSC, BTT, TNA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-15.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
Quản lý & phát triển bất động sản	-5.6%	VHM, VIC, NVL, BCM
Đồ uống	-4.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vận tải hàng không & Logistics	-3.5%	TMS, SCS, STG, ASG
Thực phẩm	-3.0%	VNM, MSN, KDC, VHC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	201,600 (8.4)	22.5	27.4	33.9	14.7	7.0	5.3	1.9	1.8	0.9	-4.5	-	-43.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	207,582 (8.6)	26.6	6.4	5.5	35.9	22.3	21.4	1.4	1.1	1.1	-1.5	1.1	-42.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	85,817 (3.6)	17.8	23.4	16.2	-7.6	7.8	10.6	1.8	1.7	5.1	0.2	-5.8	-14.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	728,087 (30.2)	31.3	4.8	3.6	6.7	10.8	13.1	0.5	0.3	2.5	-	-	-84.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	82,733 (3.4)	11.6	15.9	14.1	13.7	11.1	11.4	1.6	1.5	6.9	2.1	17.4	-43.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	236,811 (9.9)	13.9	9.3	10.8	-	8.3	6.4	0.6	0.6	5.3	-3.4	22.7	-63.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	117,691 (4.9)	6.3	13.6	11.8	11.7	20.6	18.7	2.8	2.3	0.3	0.1	8.2	0.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	67,917 (2.8)	12.7	12.8	9.9	-5.3	18.1	18.8	2.0	1.6	3.1	3.9	0.0	7.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	222,044 (9.3)	0.0	4.4	4.2	14.3	20.8	17.8	0.8	0.7	2.3	-5.1	14.3	-47.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	149,663 (6.2)	1.4	8.1	7.3	50.3	16.3	17.6	1.2	1.1	2.1	-5.0	3.1	-21.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	479,771 (20.1)	0.0	6.3	7.0	18.8	21.3	16.1	1.2	1.0	4.1	3.5	15.5	-25.0
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	246,061 (10.3)	0.0	4.4	3.9	14.6	24.9	22.9	1.0	0.8	2.7	-2.0	6.5	-28.4
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	53,362 (2.2)	4.2	5.1	4.7	23.3	23.2	20.9	1.1	0.9	0.6	-1.8	9.4	-33.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	573,134 (23.9)	14.0	-	-	26.5	13.5	16.6	1.1	0.9	2.7	0.2	19.0	-28.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	214,162 (8.9)	0.0	6.1	5.6	37.4	20.7	18.4	1.0	0.9	0.2	-4.3	3.7	-48.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	100,212 (4.2)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	3.4	-4.9	41.9	-19.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	39,497 (1.6)	21.0	20.7	17.6	15.8	7.8	9.0	1.5	1.5	2.2	-3.1	-0.9	-17.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	4,725 (0.2)	14.2	10.5	9.3	9.1	12.8	13.7	0.9	0.9	5.0	-4.1	5.0	-51.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	511,125 (21.3)	55.4	13.3	15.5	-3.2	9.8	8.1	-	-	6.7	-8.1	6.4	-62.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	227,236 (9.5)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	7.0	-7.9	14.4	-57.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	178,727 (7.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	6.8	-3.4	5.2	-53.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	552,944 (23.1)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	6.9	-8.2	24.0	-58.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	184,571 (7.7)	42.1	19.1	16.9	4.0	26.5	29.6	4.7	4.6	0.8	-2.7	-6.8	-11.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	42,230 (1.8)	36.9	21.2	19.1	7.3	23.5	22.8	4.5	4.0	-0.9	-0.9	-4.7	13.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	111,166 (4.6)	16.5	29.2	22.2	-51.9	11.1	14.4	3.4	3.2	0.1	-2.6	-2.6	-35.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	31,752 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	5.8	-1.2	-0.9	-65.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	48,779 (2.0)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	-0.8	-3.0	5.9	-15.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	16,941 (0.7)	10.8	15.1	15.5	-57.0	13.9	13.3	2.0	1.9	2.9	2.7	-0.2	-3.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	83,414 (3.5)	38.4	3.9	19.1	65.7	16.0	3.0	0.6	0.6	5.3	-4.1	0.8	-72.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	274,362 (11.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.6	-8.7	-1.9	-67.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	19,647 (0.8)	3.6	-	15.0	-52.4	-0.8	2.0	0.3	-	3.4	-3.0	10.3	-69.3
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	30,069 (1.3)	0.0	9.9	10.6	-4.5	17.4	14.2	1.7	1.5	2.4	-4.5	2.3	19.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	39,099 (1.6)	46.1	13.9	14.4	-17.5	25.3	22.1	3.3	3.0	0.5	-1.6	-1.6	7.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	17,426 (0.7)	31.4	9.8	8.6	-10.5	19.8	19.9	-	-	1.1	5.8	12.1	7.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,303 (0.1)	34.1	14.0	7.1	-5.1	6.2	11.7	-	-	-0.4	1.2	2.0	-47.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	758,601 (31.6)	18.0	11.3	9.5	21.9	10.6	12.0	1.1	1.0	6.7	-3.9	19.3	-48.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	80,014 (3.3)	36.5	3.5	5.3	-0.5	38.3	23.7	1.3	1.1	2.7	-3.4	14.4	-14.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	102,214 (4.3)	46.5	3.6	6.0	-4.5	45.7	22.8	1.5	1.3	1.9	-8.0	1.1	-28.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	219,914 (9.2)	38.9	8.9	5.8	67.9	7.0	10.0	0.6	0.5	6.8	-	19.2	-62.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	23,721 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	3.0	-4.2	-1.7	-65.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	26,316 (1.1)	4.6	64.2	13.9	-51.0	4.9	10.5	1.6	1.6	1.3	4.3	8.3	-43.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	123,036 (5.1)	39.9	-	22.4	-11.9	-1.1	2.9	0.8	0.7	2.0	2.6	33.0	-20.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	42,413 (1.8)	35.9	8.7	8.3	2.2	14.7	14.5	1.2	1.1	3.7	-1.4	14.2	-13.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	146,226 (6.1)	0.0	14.0	11.7	14.4	20.2	19.9	2.5	2.2	2.8	-5.8	15.9	-35.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	22,448 (0.9)	0.0	15.0	13.1	2.4	25.2	22.7	3.1	2.6	0.0	-2.3	1.7	12.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,742 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-8.0	6.1	-64.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	71,116 (3.0)	30.3	21.1	18.9	-75.2	22.0	20.7	4.2	3.6	3.1	-4.2	16.9	3.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	30,746 (1.3)	34.6	6.3	7.3	41.2	28.7	22.5	1.6	1.6	3.8	3.1	-2.5	-44.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,055 (0.0)	45.4	11.9	11.3	10.7	22.0	21.1	2.6	2.4	0.0	-1.1	4.7	-25.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	87,335 (3.6)	0.0	15.7	13.3	15.5	27.3	28.1	3.9	3.3	0.1	-0.1	6.3	-1.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Nguyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.